

Số: 18 /TB-ĐHBL

Cà Mau, ngày 25 tháng 02 năm 2026

## THÔNG BÁO

### Về việc thu học phí học kỳ II năm học 2025 - 2026 và thu nợ học phí

Căn cứ Quyết định số 526/QĐ-ĐHBL ngày 16/07/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bạc Liêu về việc ban hành biên chế năm học 2025 - 2026;

Căn cứ Quyết định số 691/QĐ-ĐHBL ngày 15/9/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bạc Liêu quy định mức thu học phí trình độ đại học, cao đẳng chính quy năm học 2025 - 2026.

Trường Đại học Bạc Liêu thông báo thu học phí học kỳ II năm học 2025 - 2026 và thu nợ học phí các học kỳ trước, cụ thể như sau:

#### 1. Mức thu học phí:

- Năm học 2025-2026: Theo Quyết định số 691/QĐ-ĐHBL ngày 15/09/2025.
- Đối với thu nợ học phí: Thực hiện theo mức thu quy định các năm học trước. Sinh viên nợ học phí phải hoàn thành nghĩa vụ các khoản nợ trước khi nộp học phí học kỳ II năm học 2025-2026 (kèm theo Danh sách sinh viên các khoa nợ học phí từ học kỳ II năm học 2021 - 2022 đến học kỳ I năm học 2025 - 2026).

#### 2. Đối tượng:

Sinh viên cao đẳng, đại học chính quy học tại Trường Đại học Bạc Liêu (trừ sinh viên các ngành sư phạm được hưởng chế độ chính sách theo Nghị định số 116/2021/NĐ-CP và Nghị định số 60/2025/NĐ-CP).

#### 3. Hình thức nộp tiền:

- Đề nghị sinh viên nộp học phí theo hình thức thanh toán chuyển khoản như sau:
- Tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank)-CN Bạc Liêu:
    - + Tên tài khoản: **Trường Đại học Bạc Liêu**
    - + Số tài khoản: **119003036787**
  - Nội dung chuyển khoản theo 1 trong 2 cú pháp như sau:
    - + **Cú pháp 1:** Nộp học phí học kỳ II năm học 2025 -2026 theo mã sinh viên do Ngân hàng cung cấp (đính kèm Danh sách):

**Vào App của các Ngân hàng → Chọn chuyển tiền → Chọn Ngân hàng Vietinbank → Đến Tài khoản nhập Mã HS do Ngân hàng Vietinbank cung cấp → Bấm nộp số tiền học phí học kỳ II năm học 2025 -2026.**

Ví dụ: Sinh viên TRAN THI HAI AU có mã HS do NH cung cấp là 1BLU227340301001) sử dụng Ngân hàng OCB, nộp học phí học kỳ II năm học 2025 - 2026 là 7.300.000 đồng: Vào App Ngân hàng OCB → Chọn Ngân hàng Vietinbank → Đến tài khoản nhập 1BLU227340301001 → Bấm nộp số tiền: 7.300.000 đồng).

(Chi tiết theo Hướng dẫn của Ngân hàng kèm theo)

+ **Cú pháp 2:** Chuyển khoản/Nộp trực tiếp vào tài khoản NH (bao gồm thu học phí học kỳ II năm học 2025 -2026; Thu nợ học phí):

**Họ tên SV- MSSV-học phí học kỳ.... năm học.....** (Ví dụ: TRAN THI HAI AU, 227340301001, học phí học kỳ II-NH: 2025-2026).

\* **Lưu ý:** Phần chênh lệch (thừa/thiếu) tiền học phí đối với sinh viên đã nộp học phí các kỳ trước sẽ được thu bổ sung hoặc đối trừ để thu học phí học kỳ II năm học 2025 - 2026 đề nghị chuyển khoản/nộp trực tiếp vào tài khoản NH theo “**Cú pháp 2**” với số tiền phải nộp theo **Danh sách sinh viên đóng chênh lệch (thừa/thiếu) vào học phí học kỳ II năm học 2025 -2026** đính kèm.

- Số điện thoại hướng dẫn nộp học phí tại Ngân hàng VietinBank-CN Bạc Liêu: 0944001194 (Phan Lê Khánh Quyên).

#### **4. Thời gian nộp học phí: Từ ngày ra thông báo đến hết ngày 28/4/2026.**

- Sinh viên thuộc diện miễn, giảm, hỗ trợ học phí được thực hiện theo quy định hiện hành.

- Sinh viên được phép gia hạn thêm thời gian nộp học phí trong vòng **15 ngày** kể từ ngày hết hạn nộp học phí nêu trên (**ngày 28/4/2026**).

- Sinh viên không hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định không được tham gia thi kết thúc học phần, không công nhận kết quả học tập, không cấp các loại giấy chứng nhận, bằng tốt nghiệp và học bổng khuyến khích theo quy định.

#### **5. Tổ chức thực hiện:**

- Các Khoa thông báo cho sinh viên thuộc đơn vị quản lý biết và thực hiện đúng nội dung trên. Đồng thời, đề nghị các Khoa tiến hành rà soát, hoàn thành thủ tục xóa tên đối với sinh viên hết thời gian đào tạo, sinh viên nợ học phí nhiều học kỳ liên tiếp theo đúng quy định.

- Phòng Kế hoạch và Tài chính tổ chức thu, tổng hợp danh sách nợ học phí gửi về các đơn vị có liên quan trước khi thi kết thúc học phần.

Nếu cần biết thêm thông tin đề nghị liên hệ Phòng Kế hoạch và Tài chính theo SĐT 0291.3828126 để được hướng dẫn./.

#### **Nơi nhận:**

- Các Khoa;
- Phòng QLĐT&CTSV (phối hợp);
- Lưu: VT, Phòng KH&TC.



**HIỆU TRƯỞNG**

**Phan Văn Đàn**



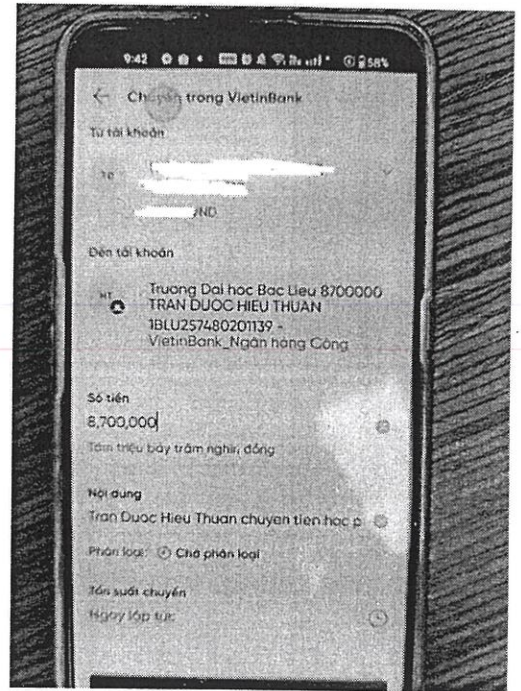
## HƯỚNG DẪN THANH TOÁN HỌC PHÍ QUA TÀI KHOẢN ĐỊNH DANH (QUA ỨNG DỤNG MOBILE BANKING)

### Đối với hệ thống Vietinbank

- Bước 1: Tải và truy cập app Vietinbank Ipay
- Bước 2 : Chọn Dịch vụ chuyển & nhận tiền => Chọn “Chuyển tiền trong hệ thống” => Chọn ngân hàng nhận Vietinbank
- Bước 3: Mục Tài khoản nhận , gõ mã số sinh viên (MSSV) nhà Trường cung cấp ( VD: 1BLU257480201139), nếu gõ đúng MSSV, hệ thống sẽ kiểm tra thông tin và thể hiện nội dung theo cấu trúc : Tên trường\_Số tiền\_Tên sinh viên
- Bước 4 : Gõ đúng và đầy đủ số tiền đã thể hiện trên mục tài khoản nhận, xác nhận thông tin chuyển khoản và hoàn tất giao dịch.

### Đối với hệ thống ngân hàng khác

- Bước 1 : Chọn Dịch vụ “ Chuyển tiền ngoài hệ thống” => Chọn “Ngân hàng nhận” => Chọn Vietinbank
- Bước 2: Mục Tài khoản nhận , gõ mã số sinh viên (MSSV) nhà Trường cung cấp ( VD: 1BLU257480201139), nếu gõ đúng MSSV, hệ thống sẽ kiểm tra thông tin và thể hiện nội dung theo cấu trúc : Tên trường\_Số tiền\_Tên sinh viên
- Bước 3 : Gõ đúng và đầy đủ số tiền đã thể hiện trên mục tài khoản nhận, xác nhận thông tin chuyển khoản và hoàn tất giao dịch
- **Chú ý : nhập đúng và đầy đủ số tiền nhà Trường đã thông báo ( hoặc đúng số tiền thể hiện trên mục tài khoản nhận) thì hệ thống mới có thể gạch nợ thành công số tiền học phí của sinh viên đó, nếu thanh toán ít hơn hoặc nhiều hơn số tiền đã thông báo, hệ thống sẽ không ghi nhận sinh viên đó đã hoàn thành đóng học phí và không tự động gạch nợ thành công.**



**DANH SÁCH SINH VIÊN CÁC KHOA NỢ HỌC PHÍ TỪ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2021 - 2022  
ĐẾN HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025 - 2026**

(Kèm theo Thông báo số 18 /TB-ĐHBL ngày 25 / 02 /2026 của Trường Đại học Bạc Liêu)

Đơn vị tính: đồng

TT	HỌ TÊN	LỚP	HỌC KỲ II NĂM HỌC 2021 - 2022	HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022 - 2023	HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022 - 2023	HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023 - 2024	HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023 - 2024	HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024 - 2025	HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024 - 2025	HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025 - 2026	CỘNG
<b>I</b>	<b>KHOA KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>6.800.000</b>	<b>0</b>	<b>15.400.000</b>	<b>69.600.000</b>	<b><u>91.800.000</u></b>
1	NGUYỄN TRUNG DŨNG	14DTH1					6.800.000				6.800.000
2	NGUYỄN THANH NGUYỄN	16DTH2								8.700.000	8.700.000
3	VÕ TẤN PHÁT	16DTH2								8.700.000	8.700.000
4	PHẠM TẤN PHÁT	17DCNTT1								8.700.000	8.700.000
5	NGUYỄN BÌNH LỘC	17DCNTT2								8.700.000	8.700.000
6	TRẦN THANH PHONG	17DCNTT2								8.700.000	8.700.000
7	NGUYỄN THÀNH PHÁT	17DCNPM								8.700.000	8.700.000
8	LÊ MINH TÂN	17DCNPM							7.700.000	8.700.000	16.400.000
9	TRẦN VĨNH PHƯỚC	18DCNTT1							7.700.000	8.700.000	16.400.000
<b>II</b>	<b>KHOA NÔNG NGHIỆP VÀ THỦY SẢN</b>		<b>4.500.000</b>	<b>6.800.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>23.100.000</b>	<b>95.700.000</b>	<b><u>130.100.000</u></b>
1	HUỶNH MINH ANH	13DNT1	4.500.000	6.800.000							11.300.000
2	PHAN TRIỆU NHI	16DCN								8.700.000	8.700.000
3	LÊ THỊ NHUNG	16DCN								8.700.000	8.700.000

TT	HỌ TÊN	LỚP	HỌC KỲ II NĂM HỌC 2021 - 2022	HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022 - 2023	HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022 - 2023	HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023 - 2024	HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023 - 2024	HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024 - 2025	HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024 - 2025	HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025 - 2026	CỘNG
4	TRẦN ĐIỂM MI	16DNT2								8.700.000	8.700.000
5	TRẦN VIỆT QUỶ	16DNT2								8.700.000	8.700.000
6	NGUYỄN GIA HUY	16DNTCNC								8.700.000	8.700.000
7	HÀ GIA BẢO	17DNTTS1								8.700.000	8.700.000
8	PHAN VĂN KHẢI	17DNTTS2								8.700.000	8.700.000
9	LỮ QUỐC KHANG	18DNTCNC								8.700.000	8.700.000
10	DƯƠNG CHÍ KHANG	18DNTCNC							7.700.000		7.700.000
11	NGUYỄN HOÀNG THÁI	18DNTCNC								8.700.000	8.700.000
12	LÊ HOÀNG SANG	18DNTTS							7.700.000	8.700.000	16.400.000
13	NGUYỄN TẤN ĐẠT	18DCN							7.700.000	8.700.000	16.400.000
<b>III</b>	<b>KHOA KHOA HỌC VÀ XÃ HỘI</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>47.950.000</b>	<b>140.875.000</b>	<b><u>188.825.000</u></b>
1	TRẦN THỊ YẾN NHI	15DNV							6.850.000		6.850.000
2	NGUYỄN KIỀU MY	16DNV								7.750.000	7.750.000
3	NGUYỄN KHÁNH VŨ	16DNV								3.875.000	3.875.000
4	PHAN VĂN SANG	16DNV								5.250.000	5.250.000
5	THẠCH NGỌC TẤN PHÁT	17DNNA1								7.750.000	7.750.000
6	LÊ VĂN PHÚ	18DNNA1								7.750.000	7.750.000
7	VÕ KIM OANH	18DNNA1							6.850.000	7.750.000	14.600.000
8	DANH NGỌC SƠN	18DNNA1							6.850.000		6.850.000
9	NGUYỄN THẢO VY	18DNNA1							6.850.000		6.850.000

TT	HỌ TÊN	LỚP	HỌC KỲ II NĂM HỌC 2021 - 2022	HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022 - 2023	HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022 - 2023	HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023 - 2024	HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023 - 2024	HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024 - 2025	HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024 - 2025	HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025 - 2026	CỘNG
10	NGUYỄN KIM YẾN	18DNNA2							6.850.000	7.750.000	14.600.000
11	NGÔ MỸ TIỀN	18DNNA2								7.750.000	7.750.000
12	TRẦN THỊ BẢO TRẦN	18DTVHVHN1							6.850.000	7.750.000	14.600.000
13	NGUYỄN KIỀU TRINH	18DTVHVHN1								7.750.000	7.750.000
14	ĐOÀN PHÚ TÚC	18DTVHVHN1								7.750.000	7.750.000
15	LỤC HUỠNH NHƯ	18DTVHVHN1								7.750.000	7.750.000
16	NGUYỄN MINH KHÔI	18DTVHVHN2								7.750.000	7.750.000
17	TRẦN TUẤN KIẾT 247220101067	18DTVHVHN2								7.750.000	7.750.000
18	ĐẶNG THỊ NHƯ NGỌC	18DTVHVHN2								7.750.000	7.750.000
19	LÊ PHẠM HOÀNG TỶ	18DTVHVHN2								7.750.000	7.750.000
20	LÊ KIM YẾN	18DTVHVHN2								7.750.000	7.750.000
21	NGUYỄN HỒNG PHIÊU	18DTVHVHN2								7.750.000	7.750.000
22	NGUYỄN DUY NINH	18DTVHVHN2							6.850.000	7.750.000	14.600.000
<b>IV</b>	<b>KHOA KINH TẾ VÀ LUẬT</b>		<b>4.500.000</b>	<b>4.500.000</b>	<b>4.500.000</b>	<b>11.400.000</b>	<b>34.200.000</b>	<b>12.900.000</b>	<b>38.700.000</b>	<b>94.900.000</b>	<b><u>205.600.000</u></b>
1	VÕ HOÀNG HUÂN	14DKT1				5.700.000	5.700.000				11.400.000
2	BÙI KIM TRANG	14DKT1					5.700.000				5.700.000
3	NGUYỄN THẢO NGỌC	14DQT1					5.700.000				5.700.000
4	NGUYỄN TRỌNG NGUYỄN	14DTCNH					5.700.000				5.700.000
5	NGUYỄN TRẦN NGỌC TRÂM	15DKT1	4.500.000	4.500.000	4.500.000	5.700.000	5.700.000	6.450.000	6.450.000		37.800.000
6	VÕ TRÍ KHANG	15DTCNH							6.450.000		6.450.000

TT	HỌ TÊN	LỚP	HỌC KỲ II NĂM HỌC 2021 - 2022	HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022 - 2023	HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022 - 2023	HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023 - 2024	HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023 - 2024	HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024 - 2025	HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024 - 2025	HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025 - 2026	CỘNG
7	LÂM THỊ TUYẾT VÂN	15DTCNH							6.450.000		6.450.000
8	TRẦN THỊ THANH THẢO	16DKT1								7.300.000	7.300.000
9	TỔNG THÚY VY	16DKT2						6.450.000	6.450.000	7.300.000	20.200.000
10	TRẦN VĂN CHIÊU	16DTCNH							6.450.000	7.300.000	13.750.000
11	ĐỖ THANH PHONG	17DKT1								7.300.000	7.300.000
12	NGUYỄN NGUYỆT NHI	17DKT2								7.300.000	7.300.000
13	LÊ TRẦN BÍCH TRẦN	17DQTKD1								7.300.000	7.300.000
14	TRẦN PHƯỚC TƯỜNG AN	17DQTKD2								7.300.000	7.300.000
15	TRƯƠNG ÁI THƯ	17DQTKD2								7.300.000	7.300.000
16	ÔNG TẤN SANG	17DQT2					5.700.000				5.700.000
17	LÊ TÂM NHƯ	18DKT1								7.300.000	7.300.000
18	HỒNG NHƯ Ý	18DQT								7.300.000	7.300.000
19	ĐOÀN HUỶNH HỒNG NHÂN	18DTCNH								7.300.000	7.300.000
20	NGUYỄN THÀNH PHÚC	18DTCNH							6.450.000	7.300.000	13.750.000
21	LÝ TỰ TRỌNG	18DQTDL&LH								7.300.000	7.300.000
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>9.000.000</b>	<b>11.300.000</b>	<b>4.500.000</b>	<b>11.400.000</b>	<b>41.000.000</b>	<b>12.900.000</b>	<b>125.150.000</b>	<b>401.075.000</b>	<b><u>616.325.000</u></b>

Danh sách có 65 sinh viên nợ học phí./.

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐÓNG CHÊNH LỆCH (THỪA/THIẾU) VÀO HỌC PHÍ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025 - 2026**

(Kèm theo Thông báo số 18 /TB-ĐHBL ngày 25/02/2026 của Trường Đại học Bạc Liêu)

ĐVT: đồng

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Học phí HK I năm học 2025-2026		Chênh lệch				Mức thu học phí HK II năm học 2025-2026	Số học phí HK II năm học 2025 - 2026 sinh viên phải nộp	Ghi chú
				Mức thu theo quy định	Đã đóng	HK I năm học 2025 - 2026		Các năm trước				
						Thừa	Thiếu	Thừa	Thiếu			
<b>I Khoa Kinh tế và Luật</b>												
1	227340301099	LẠI TRẦN KIM NHƯ	16DKT2	7.300.000	8.000.000	700.000				7.300.000	6.600.000	
2	237340301009	PHAN CHÍ HẢI	17DKT1	7.300.000	7.450.000	150.000				7.300.000	7.150.000	
3	237340101069	HỒ HUỖNH TRANG	17DQTKD2					50.000		7.300.000	7.250.000	Nộp thừa HK I NH 2024-2025
<b>II Khoa Khoa học và Xã hội</b>												
1	227220101041	NGUYỄN THỊ TÚ TRẦN	16DNV	7.750.000	8.000.000	250.000				7.750.000	7.500.000	
2	227220101033	NGUYỄN NGỌC XUÂN QUYÊN	16DNV	7.750.000	8.000.000	250.000				7.750.000	7.500.000	
<b>III Khoa Nông nghiệp và Thủy sản</b>												
1	257440301001	BÀNH THẾ AN	19DKHMT	7.850.000	7.750.000		100.000			7.850.000	7.950.000	
2	257440301002	NGÔ LÊ YẾN DUY	19DKHMT	7.850.000	7.750.000		100.000			7.850.000	7.950.000	
3	257440301003	NGUYỄN VĂN ĐĂNG	19DKHMT	7.850.000	7.750.000		100.000			7.850.000	7.950.000	
4	257440301004	NGUYỄN ĐỨC THỰC HIỆN	19DKHMT	7.850.000	7.750.000		100.000			7.850.000	7.950.000	
5	257440301005	ĐOÀN QUỲNH HƯƠNG	19DKHMT	7.850.000	7.750.000		100.000			7.850.000	7.950.000	
6	257440301006	BÙI THỊ MỸ LINH	19DKHMT	7.850.000	7.750.000		100.000			7.850.000	7.950.000	
7	257440301007	VÕ MAI THẢO MY	19DKHMT	7.850.000	7.750.000		100.000			7.850.000	7.950.000	
8	257440301008	NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	19DKHMT	7.850.000	7.750.000		100.000			7.850.000	7.950.000	
9	257440301009	ĐẶNG NGUYỄN PHÚ	19DKHMT	7.850.000	7.750.000		100.000			7.850.000	7.950.000	
10	257440301011	THÁI TÀI	19DKHMT	7.850.000	7.750.000		100.000			7.850.000	7.950.000	
11	257440301012	HỨA MINH THUẬN	19DKHMT	7.850.000	7.750.000		100.000			7.850.000	7.950.000	



STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Học phí HK I năm học 2025-2026		Chênh lệch				Mức thu học phí HK II năm học 2025-2026	Số học phí HK II năm học 2025 - 2026 sinh viên phải nộp	Ghi chú
				Mức thu theo quy định	Đã đóng	HK I năm học 2025 - 2026		Các năm trước				
						Thừa	Thiếu	Thừa	Thiếu			
IV	Khoa Kỹ thuật và Công nghệ											
1	247480201043	NGUYỄN ANH KHÔI	18DCNTT1					300.000		8.700.000	8.400.000	Nộp thừa HK II NH 2024-2025

